

THÔNG BÁO

**Danh mục tài liệu ôn tập thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp
chuyên ngành ngành văn hóa, thể thao và du lịch năm 2020**

Căn cứ Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên hạng III lên hạng II; Thư viện viên hạng III lên hạng II, Di sản viên hạng III lên hạng II, Hướng dẫn viên văn hóa hạng III lên hạng II, Đạo diễn nghệ thuật hạng III lên hạng II,

Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch từ hạng III lên hạng II thông báo Danh mục tài liệu ôn tập thi thăng hạng, như sau:

STT	Danh mục tài liệu ôn tập
I	Vòng 1
1.1	Kiến thức chung
	<ol style="list-style-type: none">1. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/2/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020;2. Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;3. Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013;4. Luật phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH11 ngày 20/11/2018;5. Văn bản hợp nhất Luật Thể dục, thể thao số 09/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội;6. Luật Du lịch số: 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;7. Văn bản hợp nhất Luật Di sản văn hóa số 10/VBHN-VPQH ngày 23/7/2013 của Văn phòng Quốc hội;8. Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019;9. Văn bản hợp nhất Luật điện ảnh số 18/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;10. Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020;11. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;12. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;13. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp về Luật Phòng, chống tham nhũng;14. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao15. Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi

	<p>hành Luật Thư viện</p> <p>16. Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030;</p> <p>17. Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.</p>
1.2	<p>Môn Ngoại ngữ: Không có danh mục tài liệu ôn tập cụ thể, thí sinh tự ôn tập môn ngoại ngữ mà mình đăng ký thi tuyển, theo nội dung kiến thức của trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p>Lưu ý: Chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên hạng II chỉ cần trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>
1.3	<p>Môn Tin học: Không có danh mục tài liệu ôn tập cụ thể, thí sinh tự ôn tập môn Tin học trình độ B trở lên, tương đương trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014.</p>
II	Vòng 2: Môn nghiệp vụ chuyên ngành
2.1	Chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II
	<p>1. Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009;</p> <p>2. Nghị định số 86/2005/NĐ-CP ngày 08/7/2005 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước;</p> <p>3. Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;</p> <p>4. Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;</p> <p>5. Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới;</p> <p>6. Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;</p> <p>7. Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;</p> <p>8. Thông tư số 67/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 23/9/2019 Quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước;</p> <p>9. Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia;</p> <p>10. Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng;</p> <p>11. Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Quy định trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia;</p> <p>12. Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh;</p> <p>13. Thông tư số 19/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và</p>

	<p>Du lịch Quy định loại di vật, cổ vật không được mang ra nước ngoài;</p> <p>14. Thông tư số 20/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về hồ sơ và thủ tục gửi tư liệu di sản văn hóa phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;</p> <p>15. Thông tư số 11/2013/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về sưu tầm hiện vật của bảo tàng công lập;</p> <p>16. Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn xác định chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế-kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;</p> <p>17. Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích;</p> <p>18. Thông tư số 04/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/8/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định Chương trình bồi dưỡng kiến thức về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;</p> <p>19. Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;</p> <p>20. Thông tư số 03/2019/TT-BVHTTDL ngày 05/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định quy trình giám định tư pháp đối với di vật, cổ vật;</p> <p>21. Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15/9/2006 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng;</p> <p>22. Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ;</p> <p>23. Thông tư liên tịch số 09/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa;</p> <p>24. Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24/7/2001 về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020;</p> <p>25. Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020;</p> <p>26. Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020.</p>
2.2	<p><i>Chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II</i></p> <p>1. Văn bản hợp nhất Luật điện ảnh số 18/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;</p> <p>2. Văn bản hợp nhất số 4955/VBHN-BVHTTDL ngày 31/10/2018 quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;</p> <p>3. Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;</p> <p>4. Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.</p> <p>5. Nguyễn Tất Thắng (2009) Lý luận kịch, NXB. Sân khấu.</p> <p>6. Đình Quang (2005) Phương pháp sân khấu Bertolt Brecht, NXB. Sân khấu.</p> <p>7. Hoàng Sự (2005) Phương pháp sân khấu Stanislavski, NXB. Văn học.</p> <p>8. Hoàng Sự (2015) Nghệ thuật đạo diễn, Trường đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội. (trích phần một Nhập môn).</p> <p>9. KỊCH BẢN</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Vũ Như Tô – Nguyễn Huy Tưởng - Ông không phải là bố tôi – Lưu Quang Vũ - Nửa ngày về chiều – Xuân Trình - Về cùng cát bụi – Triệu Huân - Rừng Trúc – Nguyễn Đình Thi
2.3	<i>Chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II</i>
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019; 2. Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thư viện; 3. Thông tư số 18/2014/TT-BVHTTDL ngày 08/12/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Thư viện; (trừ các quy định đã được thay thế tại Thông tư số 02/2020/TT-BVHTTDL ngày 25/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); 4. Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện; 5. Thông tư số 13/2016/TT-BVHTTDL ngày 09/12/2016 của Bộ VHTTDL quy định quy chế mẫu hoạt động của Thư viện công cộng cấp tỉnh, huyện, xã; 6. Thông tư số 33/2018/TT-BVHTTDL ngày 15/10/2018 của Bộ VHTTDL quy định về hoạt động thư viện lưu động và luân chuyển tài liệu; 7. Thông tư số 02/2020/TT-BVHTTDL ngày 25/5/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc bảo quản, thanh lọc tài nguyên thông tin và tiêu chí, nguyên tắc sử dụng tài nguyên thông tin hạn chế trong thư viện 8. Quyết định số 10/2007/QĐ-BVHTT ngày 04/5/2007 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Thư viện Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; 9. Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 (trích phần thư viện); 10. Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ”; 11. Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”; 12. Quyết định số 4831/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động xử lý kỹ thuật, xây dựng cơ sở dữ liệu, bộ máy tra cứu các loại tài liệu 13. Quyết định 4763/QĐ-BVHTTDL ngày 26/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ lưu động ngoài thư viện, phục vụ người khuyết tật. 14. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2017), Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh Thư viện viên hạng II
2.4	<i>Chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên hạng II</i>
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản hợp nhất Luật Thể dục, thể thao số 09/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018; 2. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; 3. Nghị định số 46/2019/NĐ-CP ngày 27/5/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao; 4. Nghị định 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao (bỏ Điều 11);

5. Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020;
6. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17/10/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao;
7. Thông tư số 17/2015/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2015 quy định về phòng, chống doping trong hoạt động thể thao;
8. Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;
9. Thông tư số 08/2011/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2011 về sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao;
10. Thông tư số 01/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/01/2019 quy định về đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng;
11. Thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 về ban hành Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm;
12. Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở;
13. Thông tư số 09/2012/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2012 quy định về tổ chức giải thi đấu thể thao quần chúng;
14. Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 12/6/2013 về việc phê duyệt Đề án phát triển Thể dục Thể thao tỉnh Nam Định giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020;
15. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2017), Lý luận và phương pháp TDTT, NXB. TDTT;
16. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2017), Sinh lý học TDTT, NXB. TDTT;
17. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2019), Tài liệu bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng II).

Thông báo này được niêm yết tại Trung tâm dịch vụ hành chính công của tỉnh Nam Định; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (số 161 Nguyễn Du, TP Nam Định, tỉnh Nam Định) và đăng trên Cổng thông tin và điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định (sovhthdl.namdinh.gov.vn).

Nơi nhận:

- Trung tâm DVHCC tỉnh ND;
- Cổng TTĐT Sở VHTTDL tỉnh Nam Định;
- Lưu: HĐTTH.

TM. HỘI ĐỒNG THI THĂNG HẠNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



GIÁM ĐỐC SỞ VHTTDL
Nguyễn Tiến Dũng